

Số: 88/QĐ-THCS

An Bình, ngày 14 tháng 10 năm 2024

### QUYẾT ĐỊNH

V/v công bố công khai dự thảo kế hoạch thu – chi các khoản do học sinh đóng góp năm học 2024 – 2025.

#### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THCS AN BÌNH

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân

Căn cứ Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ vào Nghị quyết họp ban chi ủy, chi bộ nhà trường ngày 05/10/2024; biên bản họp ban giám hiệu mở rộng ngày 05/10/2024; Biên bản họp hội đồng sư phạm nhà trường ngày 10/10/2024; Biên bản họp ban đại diện hội cha mẹ học sinh ngày 12/10/2024 và biên bản họp phụ huynh học sinh toàn trường ngày 13/10/2024.

#### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố công khai dự thảo kế hoạch thu – chi các khoản do học sinh đóng góp năm học 2024 – 2025. (Có danh sách niêm yết kèm theo)

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký

**Điều 3.** Các tổ chuyên môn, cán bộ, nhân viên, cá nhân có liên quan, căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:  
- Lưu VT.

**HIỆU TRƯỞNG**  
  
**Đỗ Văn Truy**

An Bình, ngày 14 tháng 10 năm 2024

**CÔNG KHAI NIÊM YẾT**  
**DỰ THẢO KẾ HOẠCH THU – CHI CÁC KHOẢN DO HỌC SINH ĐÓNG**  
**GÓP NĂM HỌC 2024-2025**

- Căn cứ vào biên bản họp Ban chỉ ủy, Ban giám hiệu mở rộng ngày 05/10/2024, căn cứ biên bản chi bộ Trường THCS An Bình ngày 05/10/2024, căn cứ biên bản họp hội đồng nhà trường ngày 10/10/2024, căn cứ biên bản họp Ban đại diện cha mẹ học sinh ngày 12/10/2024, căn cứ biên bản họp phụ huynh học sinh toàn trường ngày 13/10/2024. Trường THCS An Bình công khai dự thảo kế hoạch thu – chi các khoản do học sinh đóng góp năm học 2024 – 2025 như sau:

**I. PHẦN THU THEO QUY ĐỊNH**

**1. Tiền học phí**

**1.1. Kế hoạch thu:** Mức thu: 85.000 đồng/học sinh/tháng x 9 tháng/năm học.

598 học sinh x 85.000đ x 9 tháng = 457.470.000đ

*Bằng chữ (Bốn trăm năm mươi bảy triệu bốn trăm bảy mươi nghìn đồng chẵn)*

**1.2. Kế hoạch chi:** 457.470.000đ

*Bằng chữ (Bốn trăm năm mươi bảy triệu bốn trăm bảy mươi nghìn đồng chẵn)*

Nộp vào tài khoản tiền gửi học phí của nhà trường tại KBNN số tiền: 457.470.000đ.

*Trong đó chi các nội dung:*

+ 40% thực hiện cải cách tiền lương.

+ 57% chi chuyên môn, cải tạo, sửa chữa, chi tiền điện, tiền nước...

+ 3% chi công tác quản lý hồ sơ, xuất hóa đơn.

**2. Tiền trông xe đạp của học sinh**

**2.1. Kế hoạch thu:** Mức thu: 10.000 đồng/học sinh/tháng x 9 tháng/năm học.

Dự kiến thu: 415 học sinh x 10.000 đồng x 9 tháng = 37.350.000 đồng

*Bằng chữ (Ba mươi bảy triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng chẵn)*

**2.2. Kế hoạch dự kiến chi**

- Nộp thuế 5% thuế TNDN: 37.350.000 đồng x 5% = 1.867.500 đồng

- 5% thuế GTGT: 37.350.000 đồng x 5% = 1.867.500 đồng

\* Số còn lại quy ra 100% để chi cho các nội dung sau:

+ 80% chi cho người trực tiếp trông giữ xe = 26.892.000 đồng

+ 20% chi cho công tác thu, quản lý, sửa chữa, xây dựng nhà xe = 6.723.000 đồng

Tổng chi: 37.350.000 đồng

*Bằng chữ (Ba mươi bảy triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng chẵn)*

### 3. Tiền BHYT

#### 3.1. Kế hoạch thu

Mức thu:  $4,5\% \times 2.340.000 \times 12 \text{ tháng} \times 70\% = 884.520 \text{ đồng/học sinh.}$

Dự kiến thu:  $580 \text{ học sinh} \times 884.520 \text{ đồng} = 513.021.600 \text{ đồng}$

*(Năm trăm mười ba triệu không trăm hai mươi một nghìn sáu trăm đồng chẵn).*

#### 3.2. Kế hoạch dự kiến chi

Nộp về cơ quan BHXH huyện số tiền: 513.021.600 đồng

*(Năm trăm mười ba triệu không trăm hai mươi một nghìn sáu trăm đồng chẵn).*

\* Sử dụng số tiền do cơ quan BHXH trích cho đơn vị để thực hiện chi các nội dung theo quy định như sau:

- Số tiền hoa hồng BHXH huyện trả cho đơn vị sẽ trả cho người thu; trả cho người hướng dẫn tổ chức thu.

- Số tiền BHXH trích để lại đơn vị để chi cho công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu tại đơn vị được chi như sau:

+ Chi hỗ trợ cho việc khám sức khỏe định kỳ cho học sinh mức chi theo quy định của cơ quan y tế trực tiếp khám; hỗ trợ chi in thẻ học sinh, ngoài ra chi mua nước uống và các công việc liên quan đến buổi khám sức khỏe như gang tay, khẩu trang, bông, băng, cùn, gạc, bơm tiêm... *(theo thực tế).*

+ Chi công tác tuyên truyền người báo cáo là 500.000 -1.000.000/lần, người dự là 50.000 đồng/người/lần.

+ Chi cho công tác sơ kết, tổng kết hỗ trợ 50.000 đồng/người/lần dự; ngoài ra chi mua tài liệu + nước uống...phục vụ cho buổi sơ tổng kết *(theo giá thực tế tại thời điểm)*. Ngoài ra chi thưởng cho các tập thể và cá nhân làm tốt tuyên truyền thu BHYT thưởng cho mỗi tập thể là 200.000đ, thưởng cho cá nhân là 100.000đ *(thưởng vào dịp tổng kết công tác BHYT sau mỗi năm học).*

+ Mua bông, băng, cùn, gạc, nước súc miệng, các loại thuốc thông thường *(mua theo nhu cầu sử dụng và theo giá tại thời điểm)*.

+ Mua vật tư văn phòng như Xô, Chậu, Sọt đựng rác, chăn, chiếu, gối... *(theo giá tại thời điểm)*.

+ Mua dụng cụ y tế như: Máy đo huyết áp, cặp nhiệt độ, banh, kéo, khay, bơm tiêm, khẩu trang, gang tay... *(theo nhu cầu sử dụng và theo giá tại thời điểm)*.

+ Mua sổ KCB cho CB-GV-NV và học sinh; làm thẻ KCB cho HS *(theo giá tại thời điểm)*.

+ Chi công tác vệ sinh môi trường như: phun diệt côn trùng, diệt cỏ, thuốc khử trùng, nước tẩy rửa..

+ Phô tô các mẫu biểu, mua các loại sổ dùng cho công tác y tế trường học.

## II. CÁC KHOẢN THU TỰ NGUYỆN

### 1. Tiền BHTT (Phụ huynh học sinh tự nguyện tham gia)

#### 1.1. Kế hoạch thu:

Mức thu: 200.000 đồng/học sinh/năm; 300.000 đồng/giáo viên/năm.

Dự kiến thu hs: 590 học sinh x 200.000 đồng = 118.000.000 đồng

Dự kiến thu gv: 30 gv x 300.000 đồng = 9.000.000 đồng

Tổng thu: 127.000.000đ

*(Một trăm hai mươi bảy triệu đồng chẵn).*

#### 1.2. Kế hoạch dự kiến chi

- Nộp phí cho Công ty Bảo hiểm 100% số tiền thu được của cán bộ, giáo viên và học sinh. Công ty Bảo hiểm chi trả quyền lợi cho người tham gia theo tỷ lệ quy định.

Số tiền nộp về BHTT: 127.000.000đ

*(Một trăm hai mươi tư triệu bốn trăm nghìn đồng chẵn).*

- Sử dụng số tiền do cơ quan BHTT trích cho đơn vị để thực hiện nội dung tuyên truyền.

### 2. Quỹ Ban đại diện CMHS

Thực hiện theo Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2011 của Bộ GD&ĐT Ban hành Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

Do Ban đại diện cha mẹ học sinh của lớp tự vận động các bậc phụ huynh ủng hộ theo tinh thần tự nguyện (*Không vận động đến các gia đình thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, gia đình có hoàn cảnh khó khăn*). Kinh phí vận động được sẽ trích % về quỹ Ban đại diện phụ huynh toàn trường để hoạt động. (do phụ huynh tự thống nhất)

## III. CÁC KHOẢN THU THỎA THUẬN

### 1. Sổ liên lạc điện tử

1.1. Kế hoạch thu: Mức thu: 70.000 đồng/học sinh/năm học.

Dự kiến thu: 590 học sinh x 70.000 đồng = 41.300.000 đồng

*Bằng chữ (Bốn mươi một triệu ba trăm nghìn đồng chẵn)*

#### 1.2. Kế hoạch dự kiến chi

Chi trả bên cung cấp dịch vụ 100% số tiền thu của học sinh là: 41.300.000 đồng

*Bằng chữ (Bốn mươi một triệu ba trăm nghìn đồng chẵn)*

### 2. Tiền nước uống học sinh

#### 2.1. Dự kiến mức độ sử dụng nước

Mức độ sử dụng nước:

Bình quân: 0.75 bình/ ngày/ lớp

Số tuần thực học: 35 tuần

Số lớp: 14 lớp

Số lượng nước sử dụng bình quân 1 năm học:

$0.75 \text{ bình} \times 14 \text{ lớp} \times 35 \text{ tuần} \times 6 \text{ buổi} = 2.205 \text{ bình/năm học}$

Đơn giá dự kiến: 20.000 đồng/ bình

Tổng số tiền nước sử dụng trong năm học:  $2.205 \times 20.000 = 44.100.000$

đồng.

Tổng số học sinh của trường là 598 học sinh.

Tính trung bình 1 học sinh cần nộp: 8.193 đồng/ tháng tiền nước

**2.2. Kế hoạch thu:** Mức thu: 7.000 đồng/học sinh/tháng x 9 tháng/năm học.

Dự kiến thu:  $598 \text{ hs} \times 7.000 \text{ đồng/học sinh} \times 9 \text{ tháng} = 37.674.000 \text{ đồng}$

*Bằng chữ (Ba mươi bảy triệu sáu trăm bảy mươi bốn nghìn đồng chẵn)*

**2.3. Kế hoạch dự kiến chi**

Chi trả bên cung cấp dịch vụ theo số lượng thực tế sử dụng.

Mua cốc uống nước theo thực tế

**3. Tiền kỹ năng sống**

**3.1. Kế hoạch thu:**

- Tổ chức học theo chuyên đề.

**3.2. Kế hoạch dự kiến chi**

Số tiền cụ thể thu được của học sinh tính tại thời điểm có kế hoạch giảng dạy sẽ được chi cho các nội dung sau:

+ Chi trả TTGD kỹ năng sống.

+ Chi thanh toán các chi phí phát sinh tại thời điểm tổ chức dạy học chuyên

đề

**4. Tiền học thêm**

**4.1. Kế hoạch thu:** Mức thu dự kiến: 7.000 đồng/tiết.

- Dự kiến thu đối với học sinh khối 6,7,8: (*Một tuần học 3 buổi, mỗi buổi 3 tiết; tương ứng với số tiết của 1 tuần = 9 tiết*).

$445 \text{ học sinh} \times 7.000 \text{ đồng/tiết} \times 9 \text{ tiết/tuần} \times 29 \text{ tuần} = 813.015.000 \text{ đồng}$

- Dự kiến thu đối với học sinh khối 9: (*Một tuần học 4 buổi, mỗi buổi 3 tiết; tương ứng với số tiết của 1 tuần = 12 tiết*).

$145 \text{ hs} \times 7.000 \text{ đồng/tiết} \times 12 \text{ tiết/tuần} \times 29 \text{ tuần} = 353.220.000 \text{ đồng}$

Tổng số tiền dự kiến thu: 1.166.235.000 đồng

*(Bằng chữ: Một tỷ, một trăm sáu mươi sáu triệu, hai trăm ba mươi lăm nghìn đồng chẵn).*

**4.2. Kế hoạch dự kiến chi**

- Chi nộp 2% thuế thu nhập trên tổng doanh thu = 23.325.000 đồng

- Số thu còn lại được quy ra 100% để chi cho các nội dung sau:

+ Chi 80% chi giáo viên trực tiếp dạy = 914.328.000 đồng

+ Chi 15% chi công tác thu, quản lý = 171.437.000 đồng

+ Chi 5% chi tăng cường cơ sở vật chất (Chi tiền điện, nước, sửa chữa, bảo dưỡng trang thiết bị) = 57.145.000 đồng

Tổng số tiền dự kiến chi: 1.166.235.000 đồng

(Bằng chữ: Một tỷ, một trăm sáu mươi sáu triệu, hai trăm ba mươi lăm nghìn đồng chẵn).

### 5. Tiền vệ sinh trường, lớp:

**5.1. Kế hoạch thu:** Mức thu: 20.000 đồng/học sinh/tháng x 9 tháng/năm học.

Dự kiến thu: 590 hs x 20.000 đồng/học sinh x 9 tháng = 106.200.000 đồng

Bằng chữ (Một trăm linh sáu triệu hai trăm nghìn đồng)

### 5.2. Kế hoạch dự kiến chi:

- Chi trả tiền công quét dọn sân trường, nhà xe, cổng trường, khơi thông cống rãnh, dọn vệ sinh khu vực nhà vệ sinh học sinh:

6.000.000 đồng/tháng x 9 tháng = 54.000.000 đồng

- Thuê dọn cỏ khuôn viên trường, chăm sóc cắt tỉa cây cảnh:

2.000.000 đồng/tháng x 9 tháng = 18.000.000 đồng

\* Nhu cầu sử dụng đồ dùng vệ sinh:

Stt	Tên hàng	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Nước tẩy rửa Okay	Thùng	10	420.000	4.200.000
2	Nước rửa tay lifebouy	Thùng	3	970.000	2.910.000
3	Chổi cước	chiếc	10	85.000	850.000
4	Chổi cọ toalet	chiếc	30	45.000	1.350.000
5	Thau nhựa	chiếc	5	46.000	230.000
6	Khăn tay	chiếc	50	30.000	1.500.000
7	Rễ cán dài	chiếc	20	120.000	2.400.000
8	Chổi chít	chiếc	30	45.000	1.350.000
9	Chế phẩm xử lý rác	thùng	2	3.000.000	6.000.000
10	Găng tay cao su	đôi	50	19.000	950.000
11	Ủng đi mưa ngắn	đôi	2	120.000	240.000
12	Sáp thơm	hộp	8	65.000	520.000
13	Xịt thơm phòng	chai	6	45.000	270.000
14	Cây lau sàn	bộ	6	135.000	810.000
15	Dây bơm nước	met	270	6.000	1.620.000
16	Bột thông cống	Gói	150	30.000	4.500.000
17	Men xử lý bể phốt	Gói	150	30.000	4.500.000
<b>Cộng</b>					<b>34.200.000</b>

\* Tổng chi: 106.200.000 đồng

(Một trăm linh sáu triệu hai trăm nghìn đồng chẵn)

## IV. KHOẢN TÀI TRỢ, VIỆN TRỢ

Trong năm học 2024 - 2025 trường THCS An Bình mong nhận được sự ủng hộ, tài trợ của các mạnh thường quân, phụ huynh học sinh nhằm tăng cường cơ sở vật chất cho nhà trường.

STT	Nội dung	Số tiền
1	Mua mới 80 bộ bàn ghế 2 chỗ ngồi (80 bộ x 1.500.000đồng/ bộ)	120.000.000
2	Mua 4 bộ bàn ghế giáo viên (4 bộ x 2.700.000đồng/ bộ)	10.800.000
<b>Tổng</b>	<b>130.800.000 đồng ( một trăm ba mươi triệu tám trăm ngàn đồng)</b>	

Thời gian thu các khoản: Kỳ I thu sau khi đã hết thời gian công khai niêm yết kế hoạch thu, chi năm học 2024-2025, kỳ II triển khai thu từ tháng 01/2025.

Trên đây là dự thảo kế hoạch thu - chi các khoản đóng góp của cha mẹ học sinh năm học 2024 - 2025 trường THCS An Bình. Dự thảo kế hoạch này được dán công khai, niêm yết 30 ngày (từ ngày 14/10/2024 tại bảng tin của nhà trường. Các bậc phụ huynh có ý kiến đóng góp, có thể phản hồi bằng văn bản về nhà trường qua giáo viên chủ nhiệm, các nhóm, lớp).

**Nơi nhận:**

- CBGVNV, PHHS, HS..;
- Công khai tại bảng tin.
- Lưu./.



**Đỗ Văn Truy**